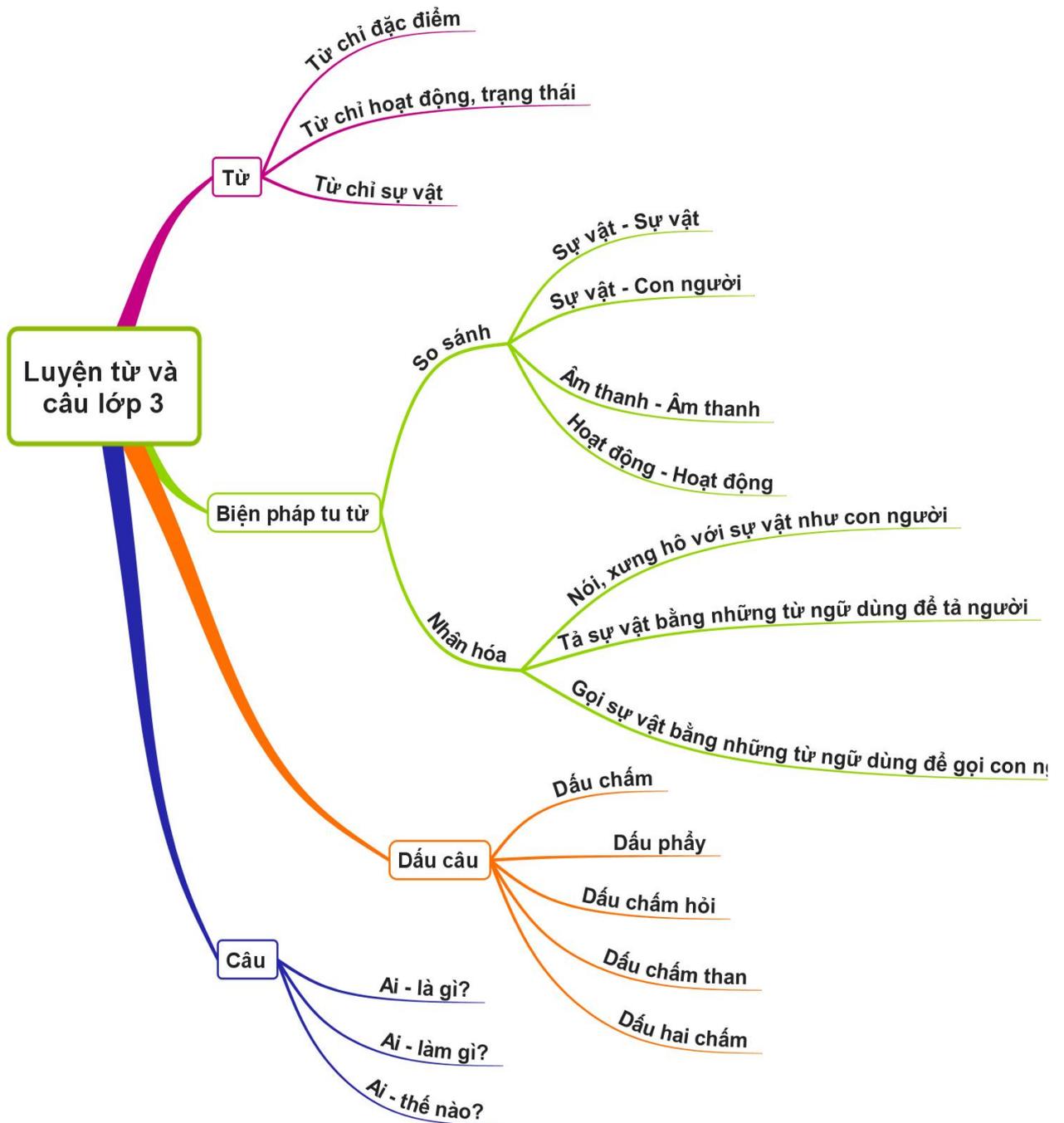


# Tổng hợp kiến thức Luyện từ và câu lớp 3

## Sơ đồ tư duy tổng hợp kiến thức



# Từ

## 1. Từ chỉ sự vật

- Khái niệm: từ ngữ chỉ sự vật là những từ dùng để chỉ tên gọi của người, đồ vật, con vật, cây cối...

- Ví dụ:

- Con người, bộ phận của con người: ông, bà, bác sĩ, giáo viên, lớp trưởng, giáo sư, chân, tay, mắt, mũi,...
- Con vật, bộ phận của con vật: trâu, bò, gà, chim, sùng, cánh, mỏ, vuốt,...
- Cây cối, bộ phận của cây cối: táo, mít, su hào, bắp cải, hoa hồng, thực dược, lá, hoa, nụ,...
- Đồ vật: quạt, bàn, ghế, bút, xe đạp,...
- Các từ ngữ về thời gian, thời tiết: ngày, đêm, xuân, hạ, thu, đông, mưa, gió, bão, sấm, chớp, động đất, sóng thần,...
- Các từ ngữ về thiên nhiên: đất, nước, ao, biển, hồ, núi, thác, bầu trời, mặt đất, mây,...

## 2. Từ chỉ đặc điểm

- Từ ngữ chỉ đặc điểm là những từ dùng để mô tả hình dáng, kích thước, màu sắc hay tích chất, cấu tạo... của sự vật, hiện tượng.

- Ví dụ:

- Màu sắc: xanh, đỏ, tím, vàng, xanh biếc, xanh xao, đo đỏ, đỏ thắm, tím tím,....
- Hình dáng, kích thước: to tướng, nhỏ bé, dài, rộng, bao la, bát ngát, cao vút, thấp tè, ngắn cùn, quanh co, ngoằn ngoèo, nông, sâu, dày, mỏng,...
- Chỉ mùi, vị: thơm phức, thơm ngát, cay, chua, ngọt lịm,...
- Các đặc điểm khác: nhấp nhô, mỏng manh, già, non, trẻ trung, xinh đẹp,...

## 3. Từ chỉ hoạt động, trạng thái

- Từ chỉ hoạt động là những từ chỉ sự vận động của con người, con vật mà có thể quan sát được bên ngoài.

Ví dụ: nhảy, chạy, bay...

- Từ chỉ trạng thái là những từ chỉ sự vận động tự diễn ra bên trong mà không thể quan sát được.

Ví dụ: buồn, vui, đau...

## **Dấu câu**

### **1. Dấu chấm**

- Dùng để kết thúc câu kể.

- Ví dụ: Em là học sinh lớp 3A.

### **2. Dấu hai chấm**

- Dùng trước lời nói của một nhân vật (thường đi với dấu ngoặc kép hoặc dấu gạch ngang)

Ví dụ:

Dế Mèn bảo:

- Em đừng sợ, đã có tôi đây.

- Dùng để liệt kê

Ví dụ: Nhà em có rất nhiều loài hoa: hoa huệ, hoa cúc, hoa lan, hoa đồng tiền,...

### **3. Dấu phẩy**

- Ngăn cách các bộ phận cùng chức vụ trong câu (Ngăn cách các từ cùng chỉ đặc điểm, từ cùng chỉ hoạt động, trạng thái, cùng chỉ sự vật trong câu)

Ví dụ: Mèo, chó, gà cùng sống trong một xóm vườn.

- Ngăn cách thành phần phụ với thành phần chính (Khi thành phần này đứng ở đầu câu)

Ví dụ: Hôm qua, tôi đi học.

#### **4. Dấu chấm hỏi**

- Dùng để kết thúc câu nghi vấn.

Ví dụ: Hôm nay, ở lớp con có vui không?

#### **5. Dấu chấm than**

Dùng để kết thúc câu cảm.

Ví dụ: A, mẹ đã về!

### **Kiểu câu**

#### **1. Câu kể**

- Câu kể (còn gọi là câu trần thuật) là câu nhằm mục đích kể, tả hoặc giới thiệu về sự vật, sự việc; hoặc dùng để nói lên ý kiến hoặc tâm tư của mỗi người.

- Cuối câu kể phải ghi dấu chấm.

- Ví dụ: Hôm nay, tôi đi học vào lúc bảy giờ sáng.

#### **2. Câu hỏi**

- Câu hỏi (còn gọi là câu nghi vấn) dùng để hỏi về những điều chưa biết.

- Cuối câu hỏi thường có dấu hỏi chấm.

- Ví dụ: Cậu đã ăn cơm chưa?

#### **3. Câu cầu khiến**

- Câu cầu khiến là câu có những từ cầu khiến như: hãy, chớ, đừng... đi, thôi, nào... hay ngữ điệu cầu khiến, dùng để ra lệnh, yêu cầu, đề nghị, khuyên bảo...

- Khi viết, câu cầu khiến thường kết thúc bằng dấu chấm than, nhưng khi ý cầu khiến không được nhấn mạnh thì có thể kết thúc bằng dấu chấm.

- Ví dụ: Cháu hãy mang cho bà cốc nước!

#### 4. Câu cảm thán

- Câu cảm thán là câu có những từ ngữ cảm thán như: ôi, than ôi, hỡi ơi, chao ôi (ôi), trời ơi, thay, biết bao, xiết bao, biết chừng nào... dùng để bộc lộ trực tiếp cảm xúc của người nói, (người viết); xuất hiện chủ yếu trong ngôn ngữ nói hằng ngày hoặc ngôn ngữ văn chương.

- Khi viết câu cảm thán thường kết thúc bằng dấu chấm than.

- Ví dụ: Cô ấy xinh đẹp lắm!

### Biện pháp tu từ

#### 1. So sánh

##### a. Khái niệm

So sánh là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật sự việc khác có nét tương đồng để làm tăng sức gợi hình gợi cảm cho sự diễn đạt.

##### b. Cấu tạo: gồm có 4 yếu tố:

Ví dụ: Mái ngói trường em đỏ thắm như nụ hoa lấp ló trong những tá lá cây xanh mát.

- Vế 1: sự vật được so sánh (*mái ngói trường em*)

- Vế 2: sự vật dùng để so sánh (*nụ hoa*)

- Từ so sánh: *như*

- Phương diện so sánh: *đỏ thắm*.

##### b. Tác dụng

Biện pháp so sánh nhằm làm nổi bật khía cạnh nào đó của sự vật, sự việc.

(Ở ví dụ trên biện pháp so sánh nhằm làm nổi bật màu đỏ đầy sức sống của mái ngói trường em.)

#### d. Dấu hiệu

- Qua từ so sánh: là, như, giống, như là.. ,
- Qua nội dung: 2 đối tượng có nét tương đồng được so sánh với nhau.

#### e. Các phép so sánh

\* So sánh sự vật với sự vật:

<b>Sự vật 1</b> <b>(Sự vật được so sánh)</b>	<b>Từ so sánh</b>	<b>Sự vật 2</b> <b>(Sự vật để so sánh)</b>
Hai bàn tay em	như	hoa đào cành.
Cánh diều	như	dấu “á”.
Hai tai mèo	như	hai cái nấm.

\* So sánh sự vật với con người:

<b>Đối tượng 1</b>	<b>Từ so sánh</b>	<b>Đối tượng 2</b>
Trẻ em (con người)	như	búp trên cành. (sự vật)
Ngôi nhà (sự vật)	như	trẻ nhỏ. (sự vật)
Bà (con người)	như	quả ngọt. (sự vật)

c. So sánh âm thanh với âm thanh:

<b>Âm thanh 1</b>	<b>Từ so sánh</b>	<b>Âm thanh 2</b>
Tiếng suối trong	như	tiếng hát xa.
Tiếng chim	như	tiếng đàn.
Bà (con người)	như	tiếng xóc những rô tiền đồng

d. So sánh hoạt động với hoạt động:

<b>Hoạt động 1</b>	<b>Từ so sánh</b>	<b>Hoạt động 2</b>
Lá cọ xòe	như	tay vẫy
Chân đi	như	đập đất

#### **d. Các kiểu so sánh**

- So sánh ngang bằng: như, tựa như, là, chẳng khác gì, giống như, như là, ....

Ví dụ: Làm mà không có lí luận chẳng khác gì đi mò trong đêm tối

- So sánh hơn kém: chẳng bằng, chưa bằng, không bằng, hơn, kém...

- Ví dụ: Cậu xinh đẹp chẳng bằng cô ta.

## **2. Nhân hóa**

a. Khái niệm

Nhân hóa là gọi hoặc tả con vật, cây cối, đồ vật... bằng những từ ngữ vốn được dùng để gọi hoặc tả con người, làm cho thế giới loài vật, cây cối, đồ vật trở nên gần gũi với con người, biểu thị được những suy nghĩ, tình cảm của con người.

- Ví dụ:

- Con gà trống biết *tán tỉnh* lão khoét, biết *mời* gà mái đến để *đãi* giun.
- *Bác* xe biết *ngửi* thấy mùi đất mới.

b. Các cách nhân hóa

\* Gọi sự vật bằng những từ ngữ dùng để gọi con người:

Ví dụ: **Ông** mặt trời, **chị** chổi rom

\* Tả sự vật bằng những từ ngữ dùng để tả con người:

- Về hình dáng: Dòng sông **uốn mình** qua cánh đồng xanh ngắt lúa khoai

- Về hoạt động:

*Mây vừa **mặc** áo hồng  
Thoắt đã **thay** áo trắng  
Áo vạt dài vạt ngắn  
Cứ suốt ngày **lang thang***

- Về tâm trạng: Hết mùa hoa, chim chóc cũng vãn. Cây gạo chấm dứt những cây *tưng bừng, ồn ã*, lại trở về với dáng vẻ xanh mát, *trầm tư*

- Về tính cách:

*Vươn mình trong gió tre đu  
Cây **kham khổ** vẫn hát ru lá cành.*

\* Trò chuyện, xưng hô với sự vật thân mật như với con người

Ví dụ: Em hoa ơi! Chị yêu em lắm.

## Từ đồng nghĩa (từ có nghĩa giống nhau)

### 1. Định nghĩa

Từ đồng nghĩa là những từ có nghĩa giống với nhau hoặc gần giống nhau. Một từ nhiều nghĩa có thể thuộc vào nhiều nhóm từ đồng nghĩa khác nhau.

### 2. Ví dụ

Từ đồng nghĩa với siêng năng: cần cù, chăm chỉ

## Từ trái nghĩa (từ có nghĩa khác nhau)

### 1. Định nghĩa

- Từ trái nghĩa là những từ có nghĩa trái ngược nhau. Ví dụ (xấu - tốt, trắng - đen, nóng - lạnh...).

- Một từ nhiều nghĩa có thể thuộc nhiều cặp từ trái nghĩa khác nhau.

### 2. Ví dụ

Các từ trái nghĩa như: xinh - xấu, cao - thấp, xa - gần, đen - trắng,...

## Bài tập ôn luyện

**Bài 1.** Tìm các từ ngữ chỉ sự vật có trong bảng sau:

hoa hồng	ngoan ngoãn	bác sĩ	hiền lành
nhảy nhót	vui vẻ	con bò	ô tô
con đường	lo lắng	cười nói	hát múa
bức tranh	điện thoại	sừng sốt	bút chì

*Đáp án:*

Các từ ngữ chỉ sự vật là: hoa hồng, con đường, bức tranh, điện thoại, bác sĩ, con bò, ô tô, bút chì.

**Bài 2.** Tìm các từ chỉ đặc điểm tính cách của con người.

*Đáp án:*

Một số từ ngữ chỉ đặc điểm tính cách của con người: hiền, dữ, tốt, xấu, chăm chỉ, tốt bụng, hiền lành, độc ác, dữ tợn, nhân hậu...

**Bài 3.** Đặt câu với các từ ngữ chỉ hành động sau: đọc, viết, bay, nói.

*Đáp án:*

- a. Em đang đọc cuốn sách Chuyện con mèo dạy hải âu bay.
- b. Chị Hoài đang viết thư cho mẹ.
- c. Con chim bay trên bầu trời xanh.
- d. Bạn Cường nói rất to và rõ ràng.

**Bài 4.** Sắp xếp các từ sau vào nhóm từ:

- a. Sự vật
- b. Đặc điểm
- c. Hoạt động

*con gà, hiền lành, bay nhảy, múa hát, búp bê, sung sướng, tốt bụng, máy tính, học tập, chăm chỉ, rèn luyện, bông hoa, sách vở, bức tranh, làm việc, hò reo, cao lớn.*

*Đáp án:*

- a. Sự vật: con gà, búp bê, máy tính, bông hoa, sách vở, bức tranh
- b. Đặc điểm: hiền lành, sung sướng, tốt bụng, chăm chỉ, cao lớn
- c. Hoạt động: bay nhảy, múa hát, học tập, làm việc

**Bài 5.** Hãy đặt dấu phẩy vào vị trí thích hợp trong các câu sau:

- a. Mùa xuân cây gạo gọi đến bao nhiêu là chim.
- b. Sắp đặt xong Cóc một mình bước tới lấy dùi đánh ba hồi trống.
- c. Dọc đường gặp Cua Gấu Cọp Ong và Cáo.
- d. Mỗi bản nhạc mỗi bức tranh mỗi câu chuyện mỗi vở kịch mỗi cuốn phim đều là một tác phẩm nghệ thuật.

*Đáp án:*

- a. Mùa xuân, cây gạo gọi đến bao nhiêu là chim.
- b. Sắp đặt xong, Cóc một mình bước tới lấy dùi đánh ba hồi trống.
- c. Dọc đường gặp Cua, Gấu, Cọp, Ong và Cáo.
- d. Mỗi bản nhạc, mỗi bức tranh, mỗi câu chuyện, mỗi vở kịch, mỗi cuốn phim đều là một tác phẩm nghệ thuật.

**Bài 6.** Em hãy điền dấu câu phù hợp vào chỗ trống:

Tôi chui tọt ngay vào hang [ ] lên giường nằm khểnh bắt chân chữ ngũ [ ] Bụng nghĩ thú vị [ ] “Mày tức thì mày cứ tức, mày ghè vỡ đầu mày ra cho nhỏ đi, nhỏ đến đâu thì mày cũng không chui nổi vào tổ tao đâu!”.

Một tai họa đến mà đũa ích kỉ thì không thể biết trước được. Đó là: không trông thấy tôi, nhưng chị Cốc đã trông thấy Dế Choắt đang loay hoay trong cửa hang. Chị Cốc liền quát lớn [ ]

- Mày nói gì [ ]

- Lạy chị, em nói gì đâu!

Rồi Dế Choắt lủi vào.

[ ] Chối hả? Chối này! Chối này!

(Trích Dế Mèn phiêu lưu kí, Tô Hoài)

*Đáp án:*

Tôi chui tọt ngay vào hang [,] lên giường nằm khểnh bắt chân chữ ngũ [.] Bụng nghĩ thú vị [:] “Mày tức thì mày cứ tức, mày ghè vỡ đầu mày ra cho nhỏ đi, nhỏ đến đâu thì mày cũng không chui nổi vào tổ tao đâu!”.

Một tai họa đến mà đũa ích kỉ thì không thể biết trước được. Đó là: không trông thấy tôi, nhưng chị Cốc đã trông thấy Dế Choắt đang loay hoay trong cửa hang. Chị Cốc liền quát lớn [:]

- Mày nói gì [?]

- Lạy chị, em nói gì đâu!

Rồi Dế Choắt lủi vào.

[-] Chối hả? Chối này! Chối này!

**Bài 7.** Tác phẩm được gạch chân dưới đây trả lời cho câu hỏi gì?

- a. Những rổ đào đầy ăm ắp.
- b. Con đường làng được quét dọn sạch sẽ.
- c. Ngày hôm qua, tôi đã đi chơi với bố mẹ.
- d. Những bức tranh được đặt trên giá.

*Đáp án:*

- a. Như thế nào?
- b. Cái gì?
- c. Khi nào?
- d. Ở đâu?

**Bài 8.** Xác định kiểu câu:

- a. Tôi là học sinh lớp 2.
- b. Cháu hãy mua cho bà một quả bưởi nhé!
- c. Cậu đã làm bài tập về nhà chưa?
- d. Bức tranh này đẹp quá!

*Đáp án:*

- a. Câu kể
- b. Câu cầu khiến
- c. Câu hỏi
- d. Câu cảm

**Bài 9.** Xác định biện pháp tu từ trong các câu sau:

a.

*Ông trời*

*Mặc áo giáp đen*

b. *Hùng khỏe như voi.*

c.

*Mặt trời xuống biển như hòn lửa*

*Sóng đã cài then, đêm sập cửa.*

(Huy Cận)

*Đáp án:*

- a. nhân hóa “ông trời mặc”
- b. so sánh: khỏe như voi
- c.
  - so sánh: “mặt trời” với “hòn lửa”
  - nhân hóa: sóng cài then, đêm sập cửa

**Bài 10.** Tìm các sự vật được so sánh:

- a. Mặt biển giống như một tấm gương khổng lồ.
- b. Đôi bàn tay của em bé nhỏ xinh như búp măng non.
- c. Con chim nhanh như cắt.
- d. Hoa có làn da trắng như tuyết.

*Đáp án:*

- a. Mặt biển
- b. Đôi bàn tay của em
- c. Con chim
- d. làn da

**Bài 11.** Tìm từ có nghĩa giống với các từ dưới đây:

- a. chăm chỉ
- b. vui vẻ
- c. bảo vệ
- d. xinh đẹp

*Đáp án:*

- a. siêng năng
- b. vui tươi
- c. giữ gìn
- d. xinh xắn

**Bài 12.** Tìm từ có nghĩa khác với các từ dưới đây:

- a. nóng
- b. nhanh

c. gây

d. tốt

*Đáp án:*

a. lạnh

b. chậm

c. béo

d. xấu

**Bài 13.** Em hãy viết đoạn văn có sử dụng phép nhân hóa để tả bầu trời buổi sớm.

*Đáp án:*

Sáng sớm tinh mơ, không khí thật trong lành. Em nhìn lên bầu trời mà cảm thấy thật thoải mái. Hôm nay, trời cao và xanh thẳm. Những áng mây trắng như bông. Chúng vẫn còn lười biếng sau một giấc ngủ dài. Sau rặng tre xanh, ông mặt trời từ từ thức giấc. Những cô cậu nắng tinh nghịch chạy khắp mọi nơi. Cánh đồng thơm mùi lúa chim. Làn gió khẽ thoang thoảng, se lạnh. Những chú chim bay lượn trên trời. Em yêu biết bao buổi sáng mùa xuân tràn đầy sức sống.

Câu văn nhân hóa: Những cô cậu nắng tinh nghịch chạy khắp mọi nơi.

**Bài 14.** Em hãy viết đoạn văn kể về buổi đầu đi học của em. Hãy tìm từ chỉ sự vật, đặc điểm và hoạt động trong đoạn văn.

*Đáp án:*

Những kỉ niệm về buổi đầu tiên đi học thật đẹp. Buổi sáng hôm ấy, em thức dậy thật sớm. Đúng bảy giờ, mẹ đưa em đến trường. Trên đường đi, hai mẹ con nói chuyện rất vui vẻ. Khoảng mười lăm phút, em đã đến trường. Ngôi trường của em rất khang trang. Sân trường sạch sẽ và rộng rãi. Mẹ đưa em đi tìm lớp học. Đến nơi, cô giáo đã đứng ngoài cửa lớp. Cô đón em bằng một nụ cười dịu dàng. Sau đó, cô đưa em vào lớp. Đến giờ học, các bạn đã đến đầy đủ. Chúng em được làm quen với nhau. Em sẽ nhớ mãi buổi học đầu tiên của mình.

- Từ chỉ sự vật: trường
- Từ chỉ đặc điểm: sớm
- Từ chỉ hoạt động: tìm

**Bài 15.** Em hãy xác viết đoạn văn tả một người bạn của em, trong đó có một câu cảm thán.

*Đáp án:*

Mạnh là người bạn thân nhất trong tổ của tôi. Cậu có dáng người dong dỏng cao, nhưng lại khá gầy. Nếu như những bạn nam khác có nước da bánh mật thì da của Mạnh lại khá trắng. Mái tóc đen được cắt ngắn gọn gàng. Khuôn mặt của bạn khá nhỏ. Nổi bật trên gương mặt ấy là đôi mắt đen láy khiến người đối diện cảm nhận được vẻ thông minh, lanh lợi. Mạnh là một chàng trai hòa đồng và thân thiện. Cậu rất hay cười, mỗi lần cười lại để lộ hàm răng trắng tinh. Nụ cười ấy trông vừa tinh nghịch vừa rất dễ mến. Ở trong lớp học, Mạnh được rất nhiều bạn quý mến. Cậu được các thầy cô giáo rất yêu mến vì chăm chỉ và thông minh. Có thể khẳng định, Mạnh là một học sinh gương mẫu, không những chấp hành đầy đủ các nội quy của lớp, mỗi khi có sự kiện hay hoạt động gì, cậu đều tham gia và cống hiến hết sức mình vì tập thể. Tôi yêu quý Mạnh lắm!

Câu cảm thán: Tôi yêu quý Mạnh lắm!